

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 495/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đính chính Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa; Công văn số 3865/UBND-THKH ngày 22/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao tiếp tục triển khai thực hiện dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3121/SXD-HĐXD ngày 06/5/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa; của Ban QLDAĐT XD các công trình DD&CN Thanh Hóa tại Tờ trình số 435/TTr-BQL ngày 16/4/2024 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát dự án:

Dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; đính chính nội dung tổng mức đầu tư tại Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 với tổng mức đầu tư là 70,0 tỷ đồng, từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Quy mô đầu tư: Nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng, nhà thực hành 03 tầng, nhà đa năng, hạ tầng kỹ thuật (san nền, sân đường nội bộ, cây xanh, cấp, thoát nước ngoài nhà, cấp điện chiếu sáng) và các hạng mục phụ trợ (Bể nước ngầm PCCC+nhà bơm, bể xử lý nước thải + nhà điều hành); thời gian thực hiện dự án từ năm 2022-2023.

Hiện nay, các hạng mục công trình xây dựng thuộc dự án đã hoàn thành thi công xây dựng, Chủ đầu tư đang tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu PCCC làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

2. Lý do điều chỉnh:

Thực hiện Nghị Quyết số 495/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa.

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

3.1. Nội dung điều chỉnh, giải pháp thiết kế chủ yếu

Bổ sung hạng mục xây mới hệ thống tường rào và sân thể thao với giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

a) Hạng mục: Sân thể thao (vị trí tại lô CXTT-1, ký hiệu số 05 trên mặt bằng quy hoạch).

- Sân có kích thước tổng thể (56,2x76,7)m gồm phần mặt sân cỏ nhân tạo, hệ thống rãnh thoát nước xung quanh và sân bê tông hai bên, mặt sân thiết kế dốc về hai phía với độ dốc 0,4%; kết cấu sân bao gồm các lớp: lớp hạt cao su, lớp cát sàng sỏi, lớp cỏ nhân tạo, lớp đá mặt, lớp đá base đầm chặt $K \geq 0,90$, lớp đất san nền $K \geq 0,95$ hiện trạng. Sân bê tông hai bên cấu tạo gồm các lớp: Bê tông M250 dày 15cm, lớp nilon, lớp đất san nền $K \geq 0,95$ hiện trạng.

- Xung quanh sân bố trí lưới quây, sử dụng lưới PE 2,7mm mắt lưới (13x13)cm, cáp $\phi 8$ bọc nhựa, cửa sắt lưới B40; cột treo lưới thép D90 cao 8,0m, móng cột bê tông đá dăm M200.

- Chiếu sáng cho sân sử dụng 08 đèn cao áp led 300w bố trí xung quanh, cột đèn BTLT, móng cột bê tông đá 1x2 M200, nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ tủ điện hiện có cấp đến tủ điều khiển chiếu sáng. Hệ thống cáp điện cho hệ thống chiếu sáng được đi ngầm trong rãnh cáp đảm bảo kỹ thuật.

- Thoát nước cho sân sử dụng hệ thống rãnh xây kết hợp hố ga bố trí xung quanh, thu gom nước mặt sân và đấu nối với hệ thống thoát nước hiện trạng. Thành rãnh, hố ga xây gạch, đáy lót bê tông đá 4x6 M100, lán vữa hoàn thiện. Nắp rãnh, hố ga sử dụng tấm đan BTCT đúc sẵn đục lỗ thu nước.

b) Hạng mục: Tường rào.

Hiện trạng tường rào đoạn M1-M2 và M1-M6 có tổng chiều dài 382,5m (trong đó 17m tường rào đã đổ sập) xuất hiện nhiều vết nứt, lún nghiêng gây mất mỹ quan và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng. Thực hiện phá dỡ, xây mới lại đoạn tường rào M1-M2 và M1-M6, thân tường xây gạch kết hợp hoa sắt, hoa sắt được tận dụng đánh gi và sơn lại, trụ tường rào, móng trụ BTCT, móng tường rào đá hộc.

3.2. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

3.3. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 70.000.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng:	60.996.171.116 đồng;
- Chi phí thiết bị:	2.357.062.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.483.501.426 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.682.739.876 đồng;
- Chi phí khác:	435.158.498 đồng;
- Chi phí dự phòng:	45.367.084 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 và 677/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán,...) về kết quả thẩm định, tính chính xác, hợp pháp của nội dung hồ

sơ dự án trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

(DA-M21)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH**Dự án: Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị: đồng

Stt	Nội dung chi phí	TMDT theo QĐ số 677/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	56.231.066.000	60.996.171.116	4.765.105.116
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	2.102.555.000	2.357.062.000	254.507.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.365.006.730	1.483.501.426	118.494.695
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	4.352.495.141	4.682.739.876	330.244.735
1	Chi phí khảo sát, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	433.482.000	433.482.000	
2	Chi phí khảo sát bước lập BCNCKT và chi phí lập báo cáo NCKT	482.841.000	539.072.000	
3	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công	110.000.000	1.354.264.645	
4	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	1.245.611.083		
5	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	88.647.607	95.003.362	
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	85.466.244	91.612.499	
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn	20.269.918	146.061.108	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	108.525.957		
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị	7.716.377		
10	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT tư vấn	4.000.000	4.000.000	
11	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT thi công xây dựng	51.119.151	55.919.037	
12	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT mua sắm vật tư, thiết bị	2.000.000	2.000.000	
13	Chi phí thẩm định giá	100.000.000	125.000.000	
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.275.291.240	1.368.436.561	
15	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	17.745.564	20.103.664	
16	Chi phí thí nghiệm cọc	177.046.000	238.500.000	

Stt	Nội dung chi phí	TMDT theo QĐ số 677/QĐ- UBND ngày 01/3/2023	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Chi phí lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	142.733.000	142.733.000	
18	Chi phí kiểm định đánh giá hiện trạng (hàng rào)		66.552.000	
V	CHI PHÍ KHÁC	730.777.096	435.158.498	-295.618.598
1	Chi phí bảo hiểm công trình	44.984.853	43.233.154	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	9.795.023	24.495.023	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	91.303.610	182.700.000	
4	Chi phí kiểm toán độc lập	314.000.461	0	
5	Chi phí thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy	4.757.583	6.072.289	
6	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công		4.087.002	
7	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình		3.963.154	
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	115.935.567	170.607.877	
9	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	150.000.000	0	
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	5.218.099.769	45.367.084	-5.172.732.686
	TỔNG CỘNG:	69.999.999.737	70.000.000.000	
	LÀM TRÒN	70.000.000.000	70.000.000.000	0